TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA **Tỉnh Thanh Hóa**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HN&GĐ-ST
Ngày 21/01/2020.
V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thắng.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Hải.
Ông Hoàng Ngọc Năm.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Dân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa: Không tham gia.

Ngày 21 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 360/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1981 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Chị Trương Thị T, sinh năm 1984 (Có mặt).

Địa chỉ (Theo đơn khởi kiện): Thôn T, xã P, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ hiện nay: Thôn P, xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/11/2019, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm của nguyên đơn anh Nguyễn Văn B thể hiện như sau:

Anh Nguyễn Văn B và chị Trương Thị T kết hôn với nhau năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, Ủy ban nhân dân xã L cấp đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn cuộc sống chung của vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do quan điểm sống của 2 vợ chồng

không phù hợp. Đầu năm 2019 anh B đã làm đơn xin ly hôn với chị T, nhưng được Tòa án hòa giải và để cho chị T có cơ hội nên anh B đã đồng ý rút đơn vợ chồng đoàn tụ, nhưng sau đó cuộc sống vợ chồng vẫn không thể cải thiện được.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn anh B làm đơn xin ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với cô T.

Về con: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thành N, sinh năm 04/11/2010 và Nguyễn Thành A, sinh ngày 29/10/2014. Ly hôn anh B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi một cháu và không yêu cầu cô T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

Theo Bản tự khai ngày 10/12/2019 và quá trình giải quyết tại Tòa án của bị đơn chị Trương Thị T trình bày:

Chị và anh B kết hôn với nhau năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau bình thường như bao gia đình khác. Về quan điểm sống giữa 2 vợ chồng cũng có bất đồng quan điểm nên cũng có những xung đột nhỏ xảy ra. Đầu năm 2019 anh B đã làm đơn xin ly hôn, nhưng được Tòa án hòa giải và vợ chồng đoàn tụ, nhưng sau đó cuộc sống giữa chị và anh B vẫn không thể cải thiện được. Chị mong muốn vợ chồng đoàn tụ để các con không thiếu đi tình thương của bố hoặc mẹ, nay anh B vẫn cương quyết ly hôn thì chị cũng đồng ý ly hôn anh B với điều kiện anh B giao cả 02 con cho chị nuôi.

Về con: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thành N, sinh năm 04/11/2010 và cháu Nguyễn Thành A, sinh ngày 29/10/2014. Ly hôn chị T đề nghị được nuôi cả 2 cháu và yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng là 1.500.000 đồng cho một cháu (Hai cháu là 3.000.000 đồng mỗi tháng).

Về tài sản và công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn không có sự thay đổi, bổ sung, rút toàn bộ về yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn B và chị Trương Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Uỷ ban nhân dân xã L, huyện H cấp giấy chứng nhận kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng sống với nhau bình thường được một thời gian, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do quan điểm sống của hai người không hòa hợp, bất đồng, đầu năm 2019 anh B đã làm đơn ly hôn, Tòa án hòa giải vợ chồng về đoàn tụ nhưng cuộc sống không có sự cải thiện, chị T thừa nhận sau khi Tòa án hòa giải về cuộc sống vợ chồng lại tồ tệ hơn, nay anh B tiếp tục làm đơn ly hôn. Chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nhưng chị muốn đoàn tụ vì cuộc sống của các con, nếu anh B cương quyết ly hôn chị cũng đồng ý. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và chị T muốn đoàn tụ không phải xuất phát từ còn tình cảm vợ chồng, anh B ly hôn chị T đồng ý, như vậy hai bên đã thuận tình ly hôn và sự thuận tình đó là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận sự thuận tình của hai bên về việc ly hôn là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay.

[2] Về con: Anh B và chị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thành N, sinh năm 04/11/2010 và cháu Nguyễn Thành A, sinh ngày 29/10/2014. Nay ly hôn nguyện vọng của anh B là nuôi 01 cháu, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nguyện vọng chị T được nuôi cả 02 cháu và yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng là 1.500.000 đồng cho một cháu.

Hai bên đều có nguyện vọng nuôi con là phù hợp, nên giao cho mỗi bên trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 01 cháu. Hiện nay cháu Nguyễn Thành N đã học tại Trường tiểu học xã L, cháu Nguyễn Thành A đang học lớp mầm non nên để tránh cuộc sống sinh hoạt, học tập của các cháu nên giao cho anh B nuôi cháu N và cháu A tuổi nhỏ hơn cần sự chăm sóc của người mẹ nên giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung và nay việc giao con cho mỗi bên nuôi một cháu do vậy về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung không buộc các bên phải thực hiện là phù hợp.

[3] Về tài sản: Hai bên không yêu cầu giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Văn B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 51, 55, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn B và chị Trương Thị T.

Về con: Anh Nguyễn Văn B và chị Trương Thị T có 02 con chung là Nguyễn Thành N, sinh ngày 04/11/2010 và Nguyễn Thành A, sinh ngày 29/10/2014. Giao anh Nguyễn Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thành N; giao chị Trương Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thành A. Anh B và chị T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Hai bên không phải chịu nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn B chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa theo biên lai thu số AA/0009649 ngày 28 tháng 11 năm 2019 (Anh B đã thi hành xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án mà người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Thắng

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hóa.*
- *VKSND huyện Hoằng Hóa.*
- *Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa.*
- *UBND xã L.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*